

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện năm thứ nhất
Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh
và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)
Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cầu dân sinh và Quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công thư ngày 15/8/2016 của Ngân hàng Thế giới (WB) không phản đối MTEP tỉnh Bình Định giai đoạn 2017-2019;

Căn cứ Công văn số 15506/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận Danh mục tuyến đường thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ nhất, Hợp phần khôi phục cải tạo đường địa phương, Dự án LRAMP, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 2703/BGTVT-KHĐT ngày 16/03/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh danh mục tuyến đường thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ nhất; Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương của tỉnh Bình Định, Dự án LRAMP;

Căn cứ Quyết định số 2160/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiêu trung hạn (MTEP) cho lĩnh vực đường bộ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2017-2019, dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Dự án LRAMP);

Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đối ứng ODA từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tạm ứng kinh phí ngân sách tỉnh để bố trí vốn đối ứng cho Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương, dự án LRAMP năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 70/TTr-SKHĐT ngày 03/7/2017 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 73/TTr-SGTVT ngày 16/6/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện năm thứ nhất dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương, với nội dung chính như sau:

1. Khôi phục, cải tạo 10 tuyến đường với tổng chiều dài 57,92 Km.

2. **Tổng kinh phí thực hiện:** 201,97 tỷ đồng.

3. **Nguồn vốn thực hiện**

- Vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB): 192,72 tỷ đồng. Trong đó: Vốn Chính phủ vay và cấp phát 70%: 134,90 tỷ đồng; vốn địa phương vay lại 30%: 57,82 tỷ đồng.

- Vốn đối ứng của tỉnh: 9,25 tỷ đồng (*thực hiện công tác quản lý dự án; kiểm toán; quyết toán dự án hoàn thành; giải phóng mặt bằng và rà phá bom mìn, vật nổ*).

4. **Kế hoạch bố trí vốn**

- Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (*vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các Nhà tài trợ nước ngoài*) nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tại Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 là: 135,100 tỷ đồng;

- Kế hoạch vốn đối ứng của tỉnh: đã được UBND tỉnh bố trí 9,250 tỷ đồng tại các Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/3/2017, số 1683/QĐ-UBND ngày 15/5/2017.

5. **Thời gian thực hiện kế hoạch năm thứ nhất:** 2017 - 2018.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện dự án theo kế hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Phù Cát, Tây Sơn, Hoài Nhơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu: VT, K19 (M.16b)



Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM THỨ NHẤT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU DÂN SINH VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG (LRAMP)
HỢP NHẤT 1: KHÔI PHỤC, CẢI TẠO ĐƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG
(Kế hoạch theo Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đường	Địa điểm	Loại đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Điểm đầu đoạn tuyến	Điểm cuối đoạn tuyến	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng nền đường (m)	Chiều dài (Km)	Cấp đường	Kết cấu mặt đường	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân bổ vốn (tỷ đồng)		Ghi chú
														Vốn vay WB	Vốn đối ứng của tỉnh	
1	ĐT.633	Phù Cát	ĐT	Chợ Gồm	Đề Gi	Km3+00	Km8+900	3,5	6,5	17,00	VI	BTN+BTXM	59,07	57,55	1,52	Danh mục dự án được Bộ GTVT chấp thuận tại Văn bản số 15506/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2016
						Km9+500	Km20+600					BTN+BTXM				
2	ĐT.639	Phù Cát	ĐT	Nhơn Hội	Tam Quan	Km32+00	Km35+690	3,5	6,5	4,00	VI	BTN+BTXM	16,72	16,01	0,71	
						Km53+262	Km53+573					BTN+BTXM				
3	ĐT.639B	An Nhơn	ĐT	Chương Hòa	Nhơn Tân	Km111+245	Km115+938	3,5	6,5	4,69	VI	BTN+BTXM	11,03	10,08	0,95	
4	ĐH.37	Tây Sơn	ĐH	Phú Lạc	Hà Nhe	Km9+416	Km9+446	3,5	6,5	0,36	VI	BTN+BTXM	7,56	7,32	0,24	Danh mục dự án được Bộ GTVT chấp thuận bổ sung tại Văn bản số 2703/BGTVT-KHĐT ngày 16/3/2017
						Km9+552	Km9+602				VI	BTN+BTXM				
						Km11+676	Km11+776				VI	BTN+BTXM				
						Km13+218	Km13+368				VI	BTN+BTXM				
5	ĐX.AN.11	An Nhơn	ĐX	Nhơn Hòa	Trường Cửu	Km0+00	Km3+370	3,5	6,5	3,37	GTNT A	BTN+BTXM	16,90	14,40	2,50	
6	ĐX.AN.74	An Nhơn	ĐX	Thanh Giang	Tam Hòa	Km0+00	Km3+390	3,5	6,5	3,39	GTNT A	BTN+BTXM	12,88	11,92	0,96	
7	ĐT.636B	An Nhơn/ Tây Sơn	ĐT	Gò Bồi	Lai Nghi	Km0+00	Km9+500	3,5	6,5	9,50	VI	BTN+BTXM	28,11	27,25	0,86	
8	ĐH.11	Hoài Nhơn	ĐH	Tam Quan	Tân Bình	Km0+00	Km6+240	3,5	6,5	6,24	VI	BTN+BTXM	20,17	19,55	0,62	
9	ĐH.43	Vinh Thạnh	ĐH	Vinh Thạnh	Vinh Thuận	Km0+00	Km7+370	3,5	6,5	7,37	VI	BTN+BTXM	21,82	21,24	0,58	
10	ĐX.HA.35	Hoài Ân	ĐX	Cầu Mục Kiến	Xuân Sơn	Km0+00	Km2+00	3,5	6,5	2,00	GTNT A	BTN+BTXM	7,73	7,42	0,31	
Tổng cộng										57,92			201,97	192,72	9,25	